

Số: 34 /KH-THPT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2015

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THCS – THPT TRÍ ĐỨC GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Để thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến sự nghiệp giáo dục như là Nghị quyết số 29 của Hội nghị Trung ương 8, Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội Chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và năm đầu tiên triển khai nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Sở GD-ĐT là VI (2015 – 2020); trên cơ sở đó Trường THCS-THPT Trí Đức xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường theo từng thời kỳ, từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu giáo dục của Đảng và Nhà nước

Trường THCS-THPT Trí Đức nằm trong hệ thống giáo dục của công ty dịch vụ giáo dục Trí Đức; định hướng của công ty là giáo dục đạo đức, tri thức, thể chất, thẩm mỹ và tăng cường rèn luyện kỹ năng thích ứng với cuộc sống. Công ty hiện nay có ba trường mầm non, một trường tiểu học quốc tế, và một trường THCS-THPT Trí Đức.

Trường THCS-THPT Trí Đức có hai cơ sở:

Cơ sở 1: số 5 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM

Cơ sở 3: Đường DC6, phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM

Cả hai cơ sở đều nhận học sinh từ lớp 6 đến lớp 12 và có nhiều hình thức: một buổi, hai buổi, bán trú, nội trú và nội trú trong ngày.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2020 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của nhà trường, hoạt động của lãnh đạo cũng như toàn bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai chiến lược và hoạt động có ý nghĩa quan trọng để góp phần xây dựng và phát triển giáo dục của thành phố Hồ Chí Minh theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

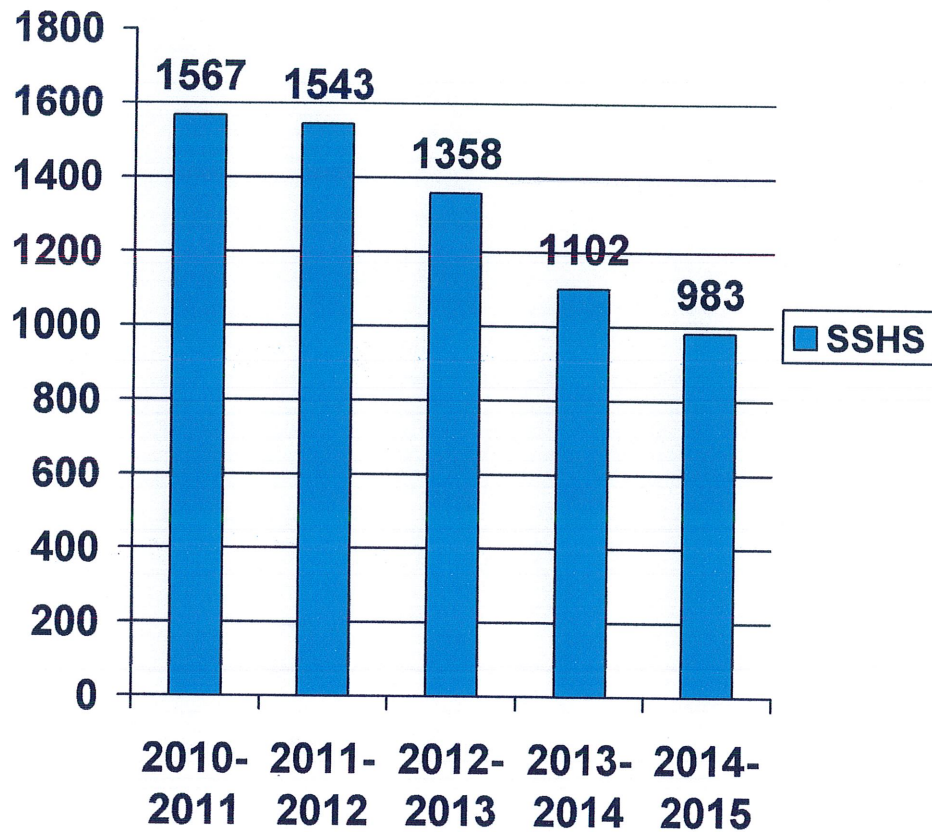


A- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

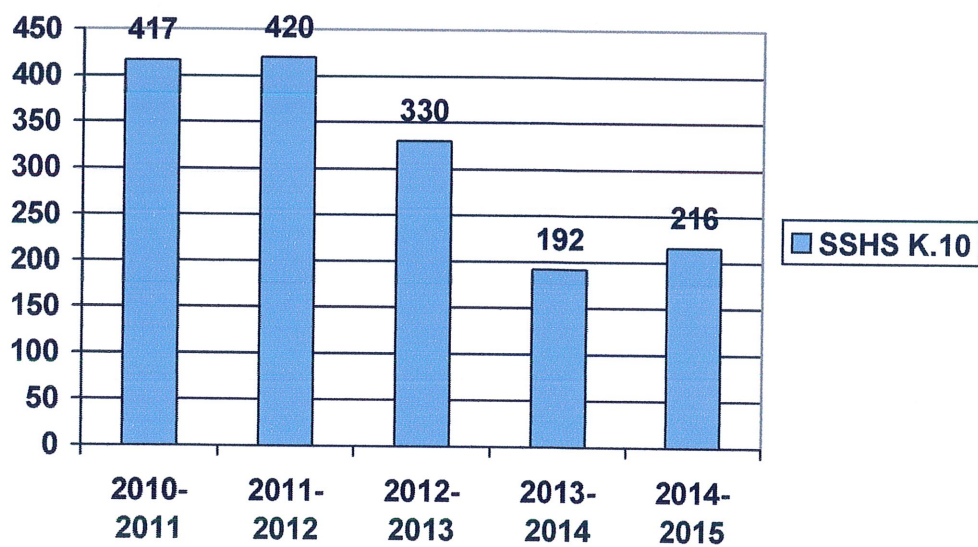
I. Môi trường bên trong

* Số liệu:

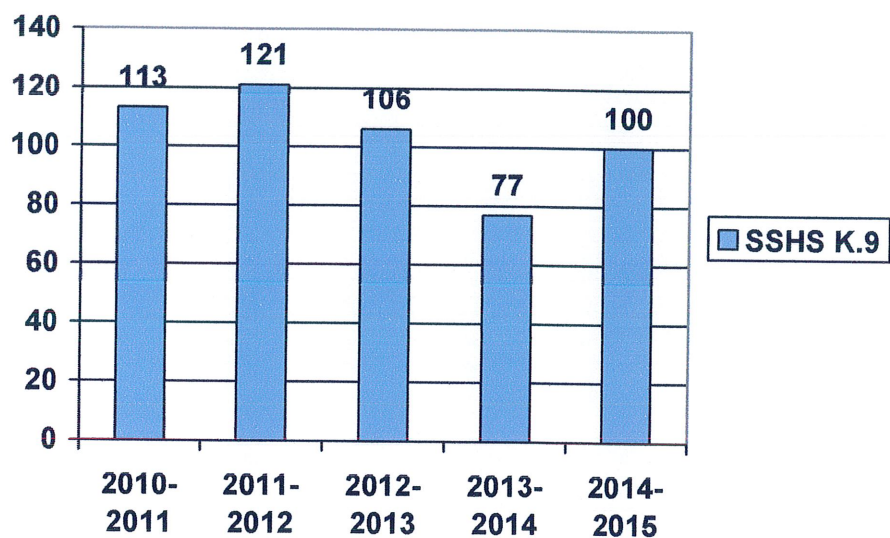
1/ Sĩ số học sinh toàn trường 5 năm (2010-2015)



2/ Sĩ số học sinh khối 10 (5 năm từ 2010 → 2015)

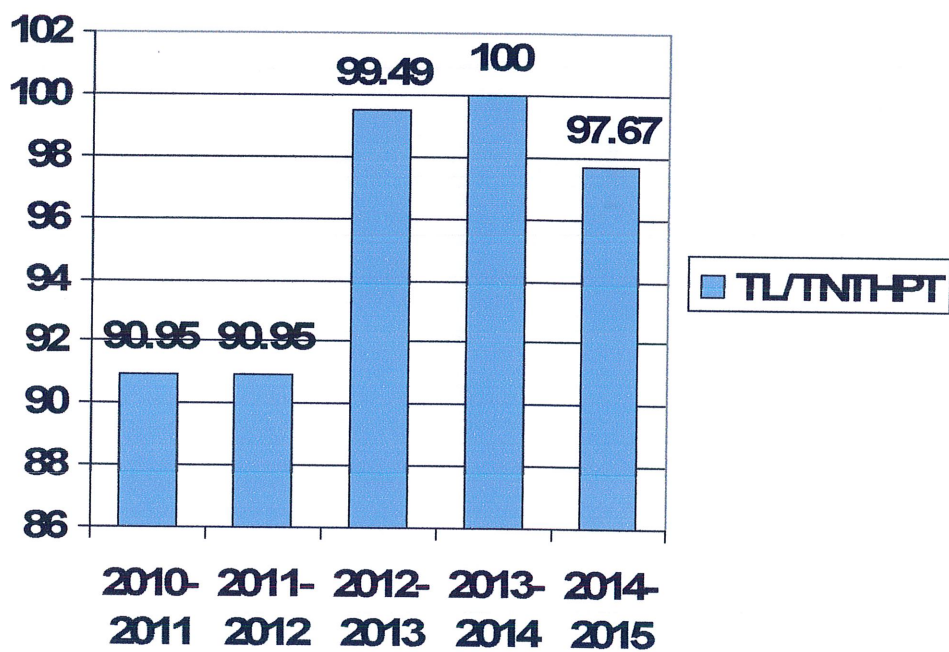


3/ Sĩ số và tỉ lệ học sinh TN/THCS (2010 – 2015)



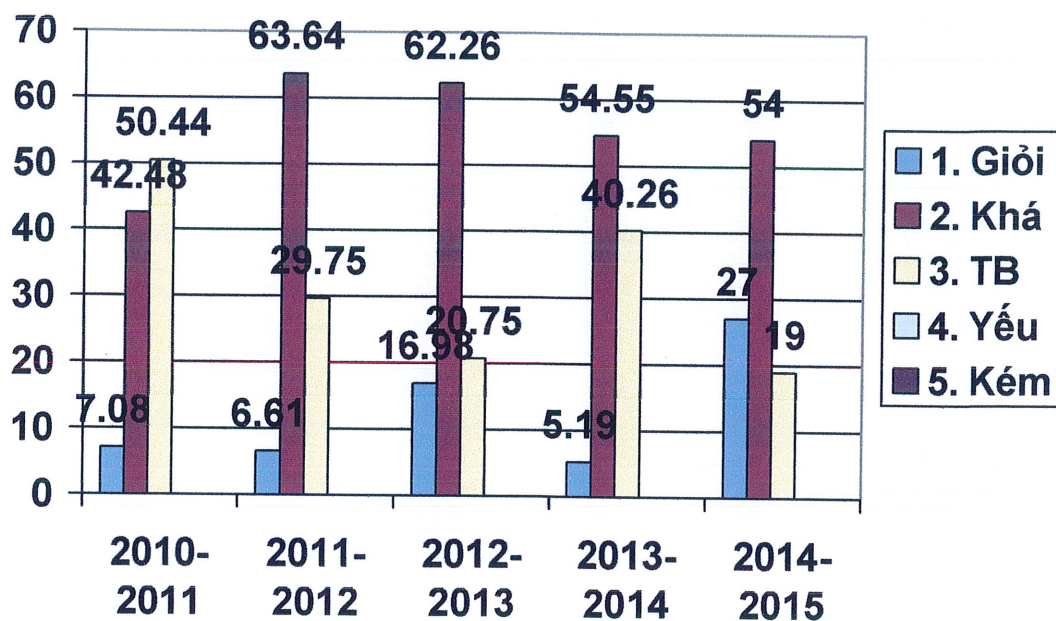
Tỉ lệ TN/THCS: 100% (từ 2010 → 2015)

4/ Tỉ lệ học sinh TN/THPT (2010 - 2015)

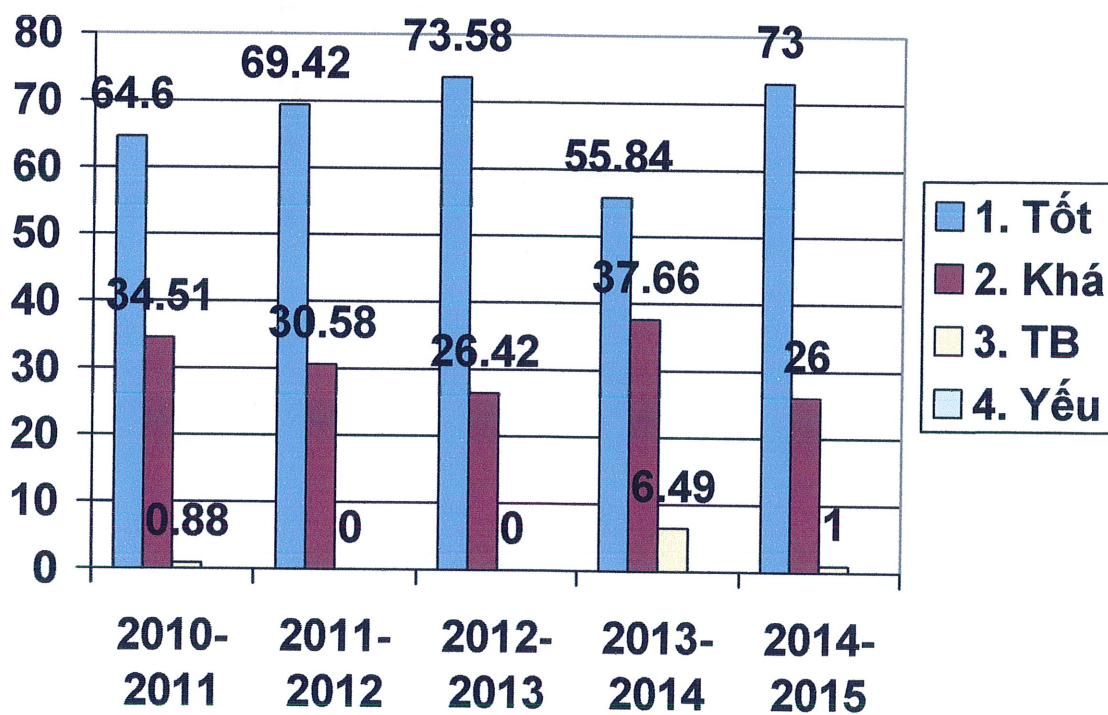


5/ Tỷ lệ học lực và hạnh kiểm khối 9 (2010 - 2015)

5.1/ Học Lực

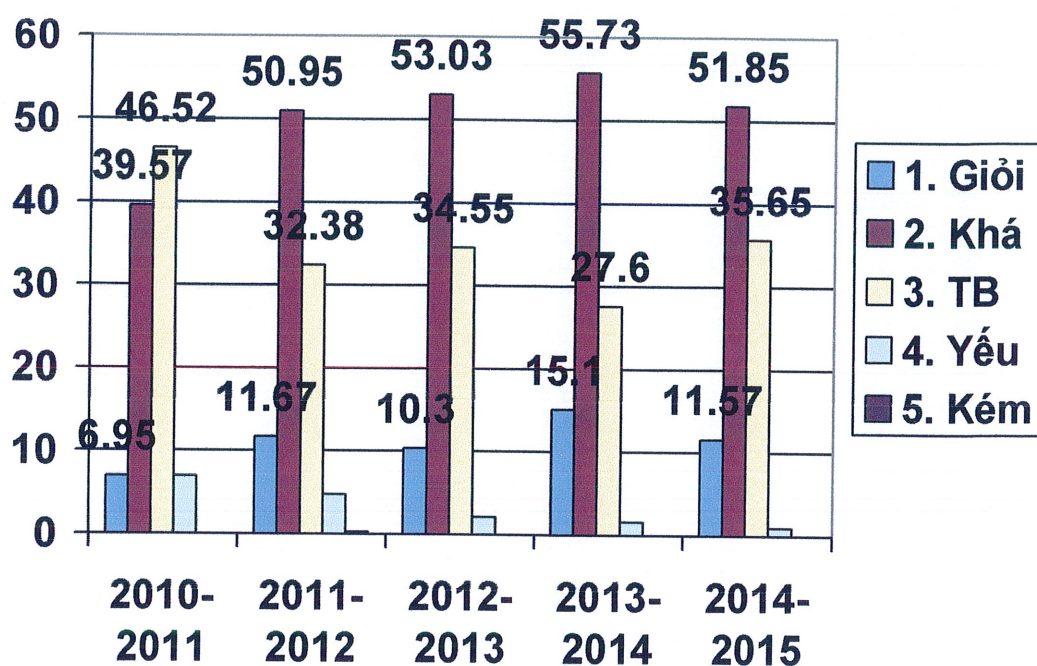


5.2/ Hạnh kiểm

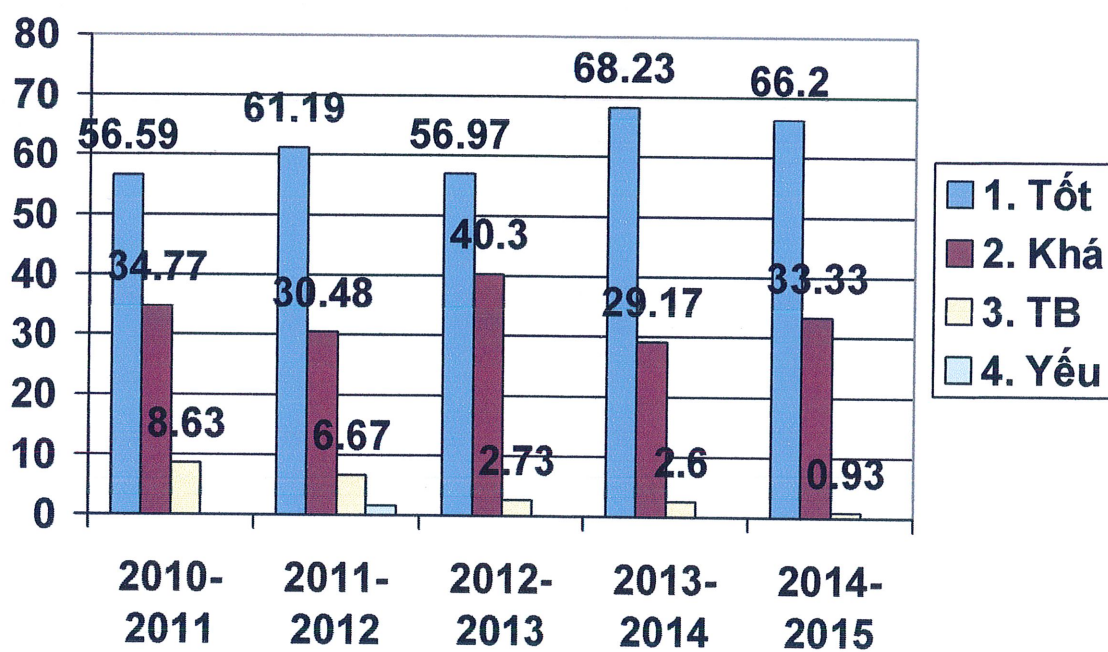


6/ Tỷ lệ học lực và hạnh kiểm khối 10 (2010 - 2015)

6.1/ Học Lực

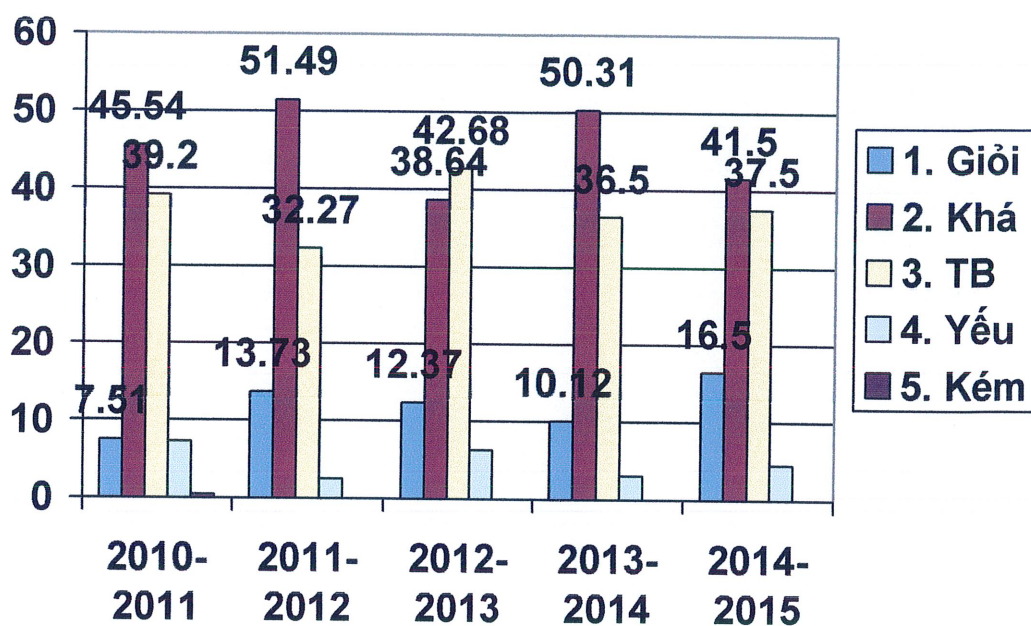


6.2/ Hạnh kiểm

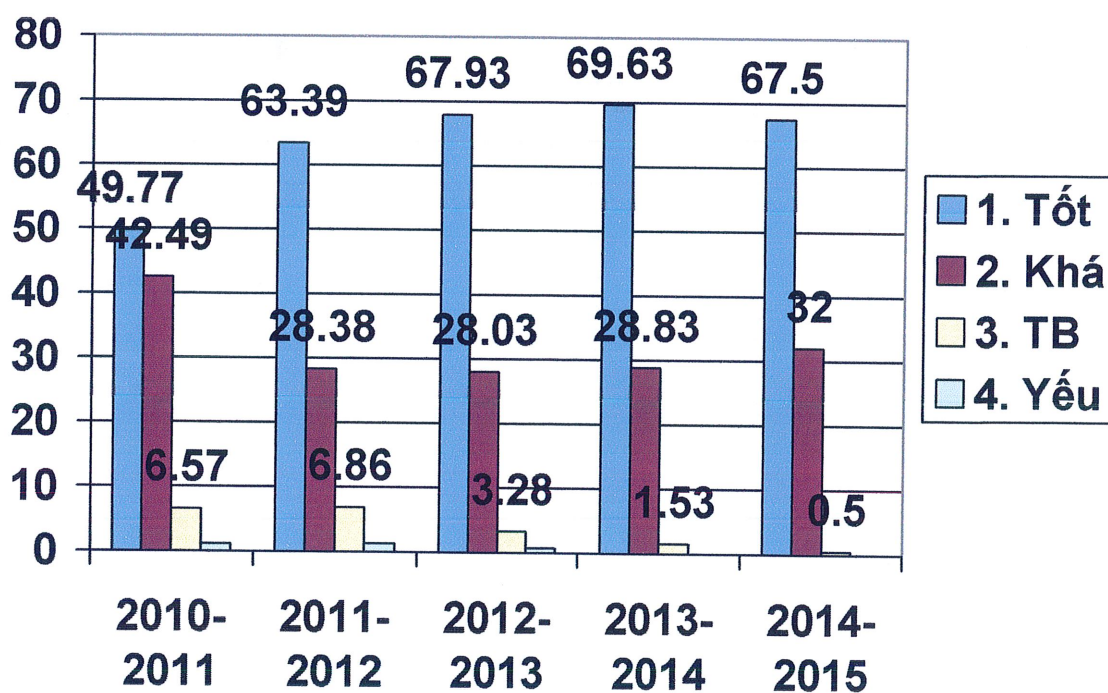


7/ Tỷ lệ học lực và hạnh kiểm khối 11(2010 - 2015)

7.1/ Học lực

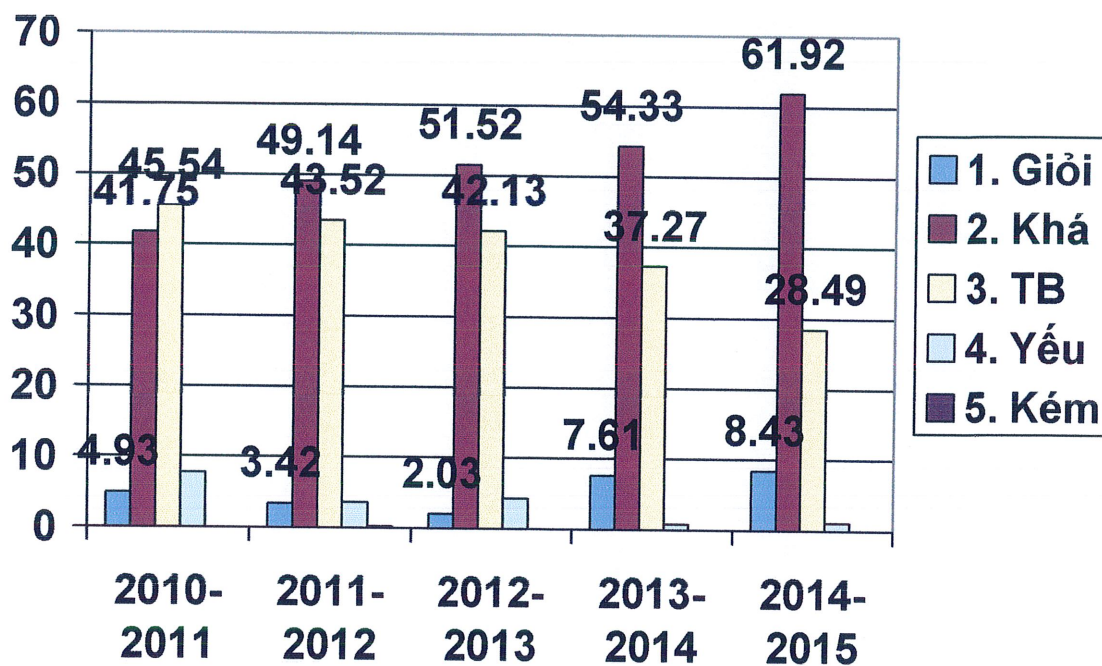


7.2/ Hạnh kiểm

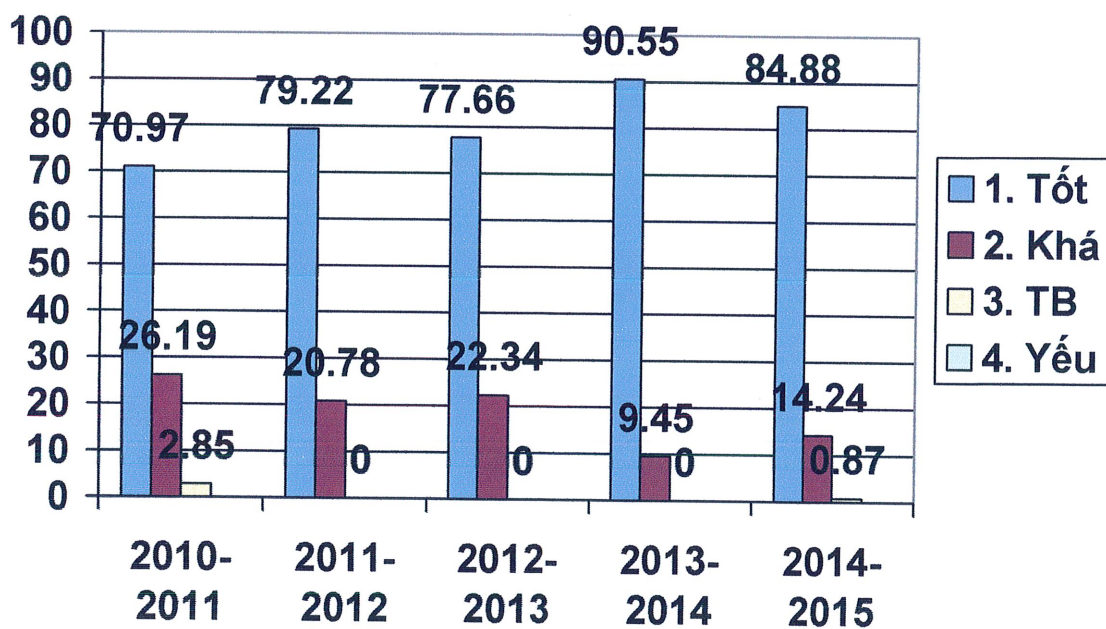


8/ Tỷ lệ học lực và hạnh kiểm khối 12 (2010 - 2015)

8.1/ Học lực



8.2/ Hạnh kiểm



2. Tình hình đội ngũ

1. Số liệu

a. Giáo viên

a. Giáo viên										
TT	Tổ bộ môn	Giáo viên		Đảng viên	Số giáo viên					
		T. số	Nữ		Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng thỉnh giảng	Trình độ chuyên môn			
							>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	17	3		7	10	3	14		
2	Văn	12	11		6	6	1	11		
3	Ngoại ngữ	7	6		4	3	1	6		
4	Lý	8	1		2	6	4	4		
5	Hóa	7	7		7		2	5		
6	Sinh	5	4		1	4		5		
7	Sử	6	2		4	2	1	5		
8	Địa	6	3		2	4	1	5		
9	GDCD	2	2		1	1		2		
10	Công nghệ	5	2			5		5		
11	Thể dục	5	1		5		1	4		
12	Nhạc	1	1		1			1		
13	Mỹ thuật	1	1			1		1		
14	Tin học	6	2		6			6		
15	AN-QP	1			1			1		
	Cộng	89	46		47	42	14	75		

b. Cán bộ - Nhân viên

TT	Bộ phận	Số lượng		Đảng viên	Số giáo viên					
					Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng	Trình độ			
		T. số	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	BGH	3	1	1	3		1	2		
2	TLTN (TPT)	1			1			1		
3	Kế toán	2	2		2			2		
4	Thủ quỹ	2	2		2			2		
5	Thư viện	2	1		2			2		
6	TB-THTN	2	1		2			2		
7	VP (HV-GV)									
8	Y tế	3	3		3			3		
9	Bảo vệ									

10	Phục vụ									
----	---------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Chất lượng học sinh

a. Xếp loại học lực

+ Năm học 2010 – 2011

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU		KÉM	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	19	3	15.79%	7	36.84%	8	42.11%	1	5.26%	0	0.00%
7	28	3	10.71%	13	46.43%	11	39.29%	1	3.57%	0	0.00%
8	37	2	5.41%	15	40.54%	17	45.95%	3	8.11%	0	0.00%
9	113	8	7.08%	48	42.48%	57	50.44%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 2	197	16	8.12%	83	42.13%	93	47.21%	5	2.54%	0	0.00%
10	417	29	6.95%	165	39.57%	194	46.52%	29	6.95%	0	0.00%
11	426	32	7.51%	194	45.54%	167	39.20%	31	7.28%	2	0.47%
12	527	26	4.93%	220	41.75%	240	45.54%	41	7.78%	0	0.00%
CẤP 3	1370	87	6.35%	579	42.26%	601	43.87%	101	7.37%	2	0.15%
TỔNG	1567	103	6.57%	662	42.25%	694	44.29%	106	6.76%	2	0.13%

+ Năm học 2011 – 2012

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU		KÉM	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	39	13	33.33%	16	41.03%	9	23.08%	1	2.56%	0	0.00%
7	35	8	22.86%	16	45.71%	11	31.43%	0	0.00%	0	0.00%
8	82	16	19.51%	47	57.32%	19	23.17%	0	0.00%	0	0.00%
9	121	8	6.61%	77	63.64%	36	29.75%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 2	277	45	16.25%	156	56.32%	75	27.08%	1	0.36%	0	0.00%
10	420	49	11.67%	214	50.95%	136	32.38%	20	4.76%	1	0.24%
11	437	60	13.73%	225	51.49%	141	32.27%	11	2.52%	0	0.00%
12	409	14	3.42%	201	49.14%	178	43.52%	15	3.67%	1	0.24%
CẤP 3	1266	123	9.72%	640	50.55%	455	35.94%	46	3.63%	2	0.16%
TỔNG	1543	168	10.89%	796	51.59%	530	34.35%	47	3.05%	2	0.13%

+ Năm học 2012 – 2013

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU		KÉM	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	30	13	43.33%	12	40.00%	5	16.67%	0	0.00%	0	0.00%
7	55	19	34.55%	18	32.73%	18	32.73%	0	0.00%	0	0.00%
8	47	15	31.91%	21	44.68%	11	23.40%	0	0.00%	0	0.00%
9	106	18	16.98%	66	62.26%	22	20.75%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 2	238	65	27.31%	117	49.16%	56	23.53%	0	0.00%	0	0.00%
10	330	34	10.30%	175	53.03%	114	34.55%	7	2.12%	0	0.00%
11	396	49	12.37%	153	38.64%	169	42.68%	25	6.31%	0	0.00%
12	394	8	2.03%	203	51.52%	166	42.13%	17	4.31%	0	0.00%
CẤP 3	1120	91	8.13%	531	47.41%	449	40.09%	49	4.38%	0	0.00%
TỔNG	1358	156	11.49%	648	47.72%	505	37.19%	49	3.61%	0	0.00%

+ Năm học 2013 – 2014

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU		KÉM	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	15	6	40.00%	6	40.00%	3	20.00%	0	0.00%	0	0.00%
7	38	14	36.84%	17	44.74%	7	18.42%	0	0.00%	0	0.00%
8	73	22	30.14%	36	49.32%	15	20.55%	0	0.00%	0	0.00%
9	77	4	5.19%	42	54.55%	31	40.26%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 2	203	46	22.66%	101	49.75%	56	27.59%	0	0.00%	0	0.00%
10	192	29	15.10%	107	55.73%	53	27.60%	3	1.56%	0	0.00%
11	326	33	10.12%	164	50.31%	119	36.50%	10	3.07%	0	0.00%
12	381	29	7.61%	207	54.33%	142	37.27%	3	0.79%	0	0.00%
CẤP 3	899	91	10.12%	478	53.17%	314	34.93%	16	1.78%	0	0.00%
TỔNG	1102	137	12.43%	579	52.54%	370	33.58%	16	1.45%	0	0.00%

+ Năm học 2014 – 2015

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU		KÉM	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	21	5	23.81%	11	52.38%	4	19.05%	1	4.76%	0	0.00%
7	30	6	20.00%	17	56.67%	7	23.33%	0	0.00%	0	0.00%
8	72	15	20.83%	35	48.61%	21	29.17%	1	1.39%	0	0.00%
9	100	27	27.00%	54	54.00%	19	19.00%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 2	223	53	23.77%	117	52.47%	51	22.87%	2	0.90%	0	0.00%
10	216	25	11.57%	112	51.85%	77	35.65%	2	0.93%	0	0.00%
11	200	33	16.50%	83	41.50%	75	37.50%	9	4.50%	0	0.00%
12	344	29	8.43%	213	61.92%	98	28.49%	4	1.16%	0	0.00%
CẤP 3	760	87	11.45%	408	53.68%	250	32.89%	15	1.97%	0	0.00%
TỔNG	983	140	14.24%	525	53.41%	301	30.62%	17	1.73%	0	0.00%

b. Xếp loại hạnh kiểm

+ Năm học 2010 – 2011

KHỐI	SỐ HỌC SINH	TỐT		KHÁ		T BÌNH		YẾU	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	19	10	52.63%	9	47.37%	0	0.00%	0	0.00%
7	28	21	75.00%	7	25.00%	0	0.00%	0	0.00%
8	37	20	54.05%	14	37.84%	3	8.11%	0	0.00%
9	113	73	64.60%	39	34.51%	1	0.88%	0	0.00%
CẤP 2	197	124	62.94%	69	35.03%	4	2.03%	0	0.00%
10	417	236	56.59%	145	34.77%	36	8.63%	0	0.00%
11	426	212	49.77%	181	42.49%	28	6.57%	5	1.17%
12	527	374	70.97%	138	26.19%	15	2.85%	0	0.00%
CẤP 3	1370	822	60.00%	464	33.87%	79	5.77%	5	0.36%
TỔNG	1567	946	60.37%	533	34.01%	83	5.30%	5	0.32%

+ Năm học 2011 – 2012

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	39	32	82.05%	6	15.38%	1	2.56%	0	0.00%
7	35	30	85.71%	5	14.29%	0	0.00%	0	0.00%
8	82	68	82.93%	14	17.07%	0	0.00%	0	0.00%
9	121	84	69.42%	37	30.58%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 2	277	214	77.26%	62	22.38%	1	0.36%	0	0.00%
10	420	257	61.19%	128	30.48%	28	6.67%	7	1.67%
11	437	277	63.39%	124	28.38%	30	6.86%	6	1.37%
12	409	324	79.22%	85	20.78%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 3	1266	858	67.77%	337	26.62%	58	4.58%	13	1.03%
TỔNG	1543	1072	69.48%	399	25.86%	59	3.82%	13	0.84%

+ Năm học 2012 – 2013

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	30	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
7	55	45	81.82%	9	16.36%	1	1.82%	0	0.00%
8	47	42	89.36%	5	10.64%	0	0.00%	0	0.00%
9	106	78	73.58%	28	26.42%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 2	238	195	81.93%	42	17.65%	1	0.42%	0	0.00%
10	330	188	56.97%	133	40.30%	9	2.73%	0	0.00%
11	396	269	67.93%	111	28.03%	13	3.28%	3	0.76%
12	394	306	77.66%	88	22.34%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 3	1120	763	68.13%	332	29.64%	22	1.96%	3	0.27%
TỔNG	1358	958	70.54%	374	27.54%	23	1.69%	3	0.22%

+ Năm học 2013 – 2014

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	15	14	93.33%	1	6.67%	0	0.00%	0	0.00%
7	38	32	84.21%	6	15.79%	0	0.00%	0	0.00%
8	73	63	86.30%	10	13.70%	0	0.00%	0	0.00%
9	77	43	55.84%	29	37.66%	5	6.49%	0	0.00%
CẤP 2	203	152	74.88%	46	22.66%	5	2.46%	0	0.00%
10	192	131	68.23%	56	29.17%	5	2.60%	0	0.00%
11	326	227	69.63%	94	28.83%	5	1.53%	0	0.00%
12	381	345	90.55%	36	9.45%	0	0.00%	0	0.00%
CẤP 3	899	703	78.20%	186	20.69%	10	1.11%	0	0.00%
TỔNG	1102	855	77.59%	232	21.05%	15	1.36%	0	0.00%

+ Năm học 2014 – 2015

KHỐI	SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		YẾU	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	21	18	85.71%	3	14.29%	0	0.00%	0	0.00%
7	30	22	73.33%	8	26.67%	0	0.00%	0	0.00%
8	72	45	62.50%	25	34.72%	2	2.78%	0	0.00%
9	100	73	73.00%	26	26.00%	1	1.00%	0	0.00%
CẤP 2	223	158	70.85%	62	27.80%	3	1.35%	0	0.00%
10	216	143	66.20%	72	33.33%	2	0.93%	0	0.00%
11	200	135	67.50%	64	32.00%	1	0.50%	0	0.00%
12	344	292	84.88%	49	14.24%	3	0.87%	0	0.00%
CẤP 3	760	570	75.00%	185	24.34%	6	0.79%	0	0.00%
TỔNG	983	728	74.06%	247	25.13%	9	0.92%	0	0.00%

4. Cơ sở vật chất

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m2)/ 1 phòng	Ghi chú
1	Phòng học	50	72	
2	Phòng nội trú	36	72	
3	Hội trường	2	500	
4	Phòng thí nghiệm	5	72	
5	Phòng Thực hành vi tính	3	72	
6	Phòng thể hình Nam/ nữ	3	72	
7	Phòng thực hành mỹ thuật	1	72	
8	Phòng thực hành âm nhạc	1	72	
9	Phòng ăn	4	144	
10	Sân thể dục thể thao	2	1000	
11	Nhà thi đấu	1	200	

1. Học sinh:

1.1 Điểm mạnh

- Học sinh yêu thích các bộ môn thể dục thể thao và các hoạt động ngoại khóa
- Đa số học sinh được gia đình quan tâm, chăm lo việc học

1.2. Điểm yếu

- Phần lớn học sinh có học lực trung bình và yếu kém, đầu vào lớp 10 và lớp 6 chưa ổn định, luôn luôn có sự biến động vào và ra khỏi trường, ý thức học tập và vệ sinh chưa tốt, phương pháp học tập chưa tốt, ý thức tự học chưa cao còn thụ động trong học tập.
- Đạo đức tác phong học sinh chưa tốt lắm, vẫn còn nhiều em vi phạm nội quy nhà trường và quy định của pháp luật
- Một số phụ huynh nuôi dưỡng chiều con em quá mức

2. Giáo viên:

2.1 Điểm mạnh

- Một số giáo viên bộ môn nhiệt tình, có kinh nghiệm giảng dạy và giáo dục học sinh, đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình, ham học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn
- Giáo viên chủ nhiệm biết cách giáo dục, có nhiệt tình
- Giáo viên quản nhiệm có kinh nghiệm quản lý học sinh cá biệt

2.2 Điểm yếu

- Giáo viên bộ môn vẫn còn phương pháp cũ, chưa cải thiện phương pháp giảng dạy, chưa ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, thiếu phương pháp rèn kỹ năng cho học sinh nhất là những học sinh yếu bộ môn.
- GVCN, GVQN chưa hiểu tâm lý học sinh còn nặng về trách phạt và áp chế hơn là khuyên bảo và giáo dục
- Nhiều giáo viên thiếu kinh nghiệm trong việc quản lý học sinh
- Nhiều giáo viên chưa quan tâm đến giáo dục cá thể
- Những điều trên làm ảnh hưởng đến sự phát triển và hoạt động của nhà trường như vậy khó áp dụng hình thức đổi mới trong việc dạy và học.

3. Cơ sở vật chất

3.1 Điểm mạnh

- Trường lớp có đầy đủ phương tiện phục vụ cho việc giảng dạy và học, phòng học có máy lạnh
- Đầy đủ các phòng chức năng cho học sinh luyện tập ngoài giờ lên lớp
- Phòng nội trú thoáng mát
- Phòng ăn và nhà bếp đầy đủ vật chất để phục vụ ăn ở cho học sinh nội trú

3.2 Điểm yếu

- Phòng vệ sinh chưa đáp ứng yêu cầu của bán trú và nội trú nhất là ở cơ sở 3
- Sân chơi bài tập của cơ sở 1 còn thiếu nhiều
- Phòng vệ sinh cho học sinh nội trú chưa được cải thiện tốt hơn
- Nhà bếp mang tính chấp vá

4. Thông tin

4.1 Điểm mạnh

- Khả năng nhận thông tin, truy cập, xử lý thông tin đáp ứng yêu cầu trong quản lý và dạy học

4.2 Điểm yếu

- Về trường có 2 cơ sở nên thông tin chưa thống nhất vẫn còn rời rạc trong quản lý cũng như trong giáo dục học sinh

- Việc lưu trữ thông tin của một vài bộ phận chưa khoa học, chưa có tính chuyên nghiệp
- Thông tin phản hồi giữa GVCN, GVQN và phụ huynh còn chậm chạp, chưa kịp thời và chính xác
- Thông tin về học sinh giữa GVBM, GVCN và GVQN chưa được chuẩn xác và kịp thời, còn đổ trách nhiệm lên nhau

5. Tổ chức giảng dạy

5.1 Điểm mạnh

- Thực hiện chương trình kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế và tiến độ
- Kết quả học tập tương đối khả quan
- Phong trào học sinh giỏi bước đầu có kết quả
- Các tổ hoạt động chuyên môn tương đối điều tay nhất là Tổ Toán, Lý, Hóa

5.2 Điểm yếu

- Thực hiện phương pháp đổi mới chưa đồng bộ, một số giáo viên còn lúng túng trong phương pháp đổi mới
- Một số bộ môn chưa đầu tư cao và việc đào tạo học sinh giỏi nhất là khối 8, 9, 10 và 11
- Một số bộ phận không nhỏ GV chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục, quản lý hs, sự tín nhiệm của HS và PHHS
- Những điểm yếu trên làm cho chất lượng nhà trường chưa được nâng lên, một số không nhỏ học sinh chưa ý thức học tập và chưa ý thức được những hành vi về tác phong và đạo đức

6. Lãnh đạo và quản lý

6.1 Điểm mạnh

- Có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nhà trường, hết lòng vì học sinh
- Được sự tín nhiệm của GV và nhân viên
- Nhiệt tình, làm việc đúng quy chế và có kế hoạch

6.2 Điểm yếu

- Công tác giáo dục tư tưởng chính trị còn hạn chế
- Chưa năng động và sáng tạo trong công tác quản lý, vẫn còn quản lý theo lối mòn
- Chưa quan tâm chăm sóc đến đời sống GV và NV
- Chưa phải là nguồn động viên để phát huy năng lực GV
- Những điểm yếu trên của lãnh đạo nhà trường làm cho nhà trường trì trệ, không phát triển uy tín của trường đối với môi trường bên ngoài

II. Môi trường bên ngoài

1. Cơ hội

- Trên cơ sở nghị quyết số 29 – NQ/TW của ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo cho nhà trường phát triển
- Cơ sở kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hình thành và phát triển, đời sống xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu học tập và giáo dục toàn diện càng yêu cầu cao
- Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức luôn đồng hành với nhà trường từ việc quản lý đội ngũ đến việc hỗ trợ cơ sở vật chất và tài chính cho nhiều hoạt động giáo dục nhà trường
- Được sự quan tâm và tín nhiệm của phụ huynh của các tỉnh và phụ huynh trong thành phố Hồ Chí Minh cũng như khu vực quận Tân phú
- Dân số của quận Tân phú càng lúc càng tăng do đó nhu cầu học tập của nhà trường công lập không đáp ứng đủ

2. Thách thức

- Sự phát triển của hệ thống trường công lập và ngoài công lập tại Thành phố và các tỉnh gây bất lợi cho công tác tuyển sinh. Điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, cơ hội học tập đối với học sinh các tỉnh về thành phố có khó khăn hơn
- Yêu cầu của phụ huynh học sinh ngày càng cao về dịch vụ giáo dục cũng như giáo dục con em
- Riêng quận Tân phú có đến hai mươi trường ngoài công lập làm cho sự cạnh tranh về giáo dục cũng như tuyển sinh ngày càng lúc càng khốc liệt như là giáo dục hạnh kiểm, chuyên môn, dịch vụ giáo dục, kỹ năng sống

III. Đánh giá những mặt đạt được và những mặt chưa đạt được trong việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2015

1. Mặt đạt được

- Thực hiện chương trình đầy đủ, đưa chất lượng giáo dục tiến lên (thống kê kết quả tốt nghiệp phổ thông)
- Giáo dục học sinh về thể chất, trau dồi kỹ năng để cho học sinh hội nhập tốt vào cộng đồng
- Giáo dục học sinh kỹ năng sống thông qua các phong trào và sự kiện nhà trường tổ chức
- Có sự chuyển biến về phương pháp giảng dạy và biện pháp để nâng cao chất lượng chuyên môn
- Có đội ngũ giáo viên phần lớn tay nghề vững vàng bên cạnh đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình, có chuyên môn được đào tạo cơ bản

- Tập thể GV-NV đoàn kết, gắn bó với trường lớp, quan tâm đến học sinh, biết nỗ lực cố gắng giảng dạy học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi, chú trọng đến thực hành và quan tâm đến học đi với hành và tạo ra môi trường “Trường học thân thiện”
- Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, và xã hội.
- Cơ sở vật chất được đầu tư đầy đủ, sân trường nhiều cây xanh bóng mát, môi trường ngày càng được cải thiện, trang thiết bị đầy đủ đáp ứng yêu cầu cần thiết cho việc đổi mới phương pháp dạy học.

2. Các mặt chưa đạt

- Một số học sinh chưa có thói quen tự học, chưa tự chủ trong học tập, chưa có phương pháp học tập thích hợp, ý thức học tập kém.
- Hầu hết phụ huynh đều quan tâm đến việc học tập của con em, nhưng cách thực hiện chưa đúng ở những phụ huynh có con em học bán trú, cách giáo dục của phụ huynh thường nuông chiều con cái quá mức dẫn đến các con em bị bạn bè xấu lôi kéo.
- Chưa xây dựng và phát triển thương hiệu của Trí Đức điều này dẫn đến tuyển sinh ngày càng yếu đi
- Chưa nâng cao chất lượng đội ngũ GV-NV về mọi mặt, chưa đưa tiếng Anh quốc tế vào chương trình học, điều này giảm về chất lượng tiếng Anh của trường.
- Chưa lập đề án về tư vấn du học
- Chưa có chính sách đãi ngộ và thu hút đội ngũ GV và NV giỏi
- Đội ngũ nhân viên dư thừa (vì từ 1800 HS giảm còn 1000 HS)
- Chất lượng chuyên môn yếu kém: môn Văn, Anh Văn so với mặt bằng chung của Thành phố rất thấp

Nguyên nhân:

*** Khách quan:**

- Thành phố mở rất nhiều trường tư thục và dân lập, nhất là khu vực quận Tân Phú
- Ở các tỉnh mở ra các trường tư thục: như là Nguyễn Khuyến ở Thủ Đức, Bình Dương; Ngô Thời Nhiệm ở Bình Dương và hệ thống trường Ischool ở các tỉnh: Long An, Bình Dương, Phan Thiết và các tỉnh miền Tây.
- Giai đoạn 2010 – 2015: kinh tế Việt Nam sa sút

*** Chủ quan:**

- Chất lượng đầu vào quá kém từ đạo đức đến học tập
- Trường chưa đẩy mạnh chuyên môn để đào tạo học sinh theo từng cá thể
- Chưa có biện pháp tích cực để giáo dục đạo đức học sinh
- Các giờ tự học buông lỏng không có kết quả

- Đội ngũ GV-NV không ổn định vì chính sách thu hút GV và NV giỏi chưa có
- Tuyển GV-NV và lương bổng tùy hứng của lãnh đạo nhà trường và Công ty

3. Các vấn đề ưu tiên cần giải quyết

- Tăng cường giáo dục đạo đức học sinh
- Tiếp nhận học sinh có sàng lọc về đạo đức và học tập
- Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập
- Tuyển GV-NV phải qua phỏng vấn
- Xây dựng thang lương để thu hút GV dạy giỏi
- Ứng dụng CNTT trong quản lý cũng như giảng dạy
- Tăng cường mối quan hệ giữa GVCN, GVQN với phụ huynh học sinh
- Đưa AV Quốc tế vào thời khóa biểu chính thức
- Tăng cường phân ban để dạy theo định hướng nghề nghiệp và luyện thi đại học
- Nâng cao vai trò PHHS để hỗ trợ công tác quảng bá và tuyển sinh vào trường Trí Đức

B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

- Đào tạo học sinh trở thành người công dân tốt, có tri thức, năng lực, bản lĩnh sống và có khả năng đóng góp cộng đồng
- Xây dựng được môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, đội ngũ giáo viên có chuyên môn sâu, nhiệt huyết với học sinh

2. Tầm nhìn

- Trở thành một ngôi trường ngoài công lập có chất lượng và được sự tín nhiệm của phụ huynh học sinh

3. Giá trị cốt lõi

- Lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc
- Có hoài bão và ước mơ
- Tính đoàn kết, trung thực, sáng tạo, độc lập năng động và tự tin
- Biết kính trọng, tôn trọng và yêu thương mọi người
- Hội nhập

4. Phương châm hành động

- Luyện trí – Rèn đức – Trau dồi kỹ năng – Sẵn sàng hội nhập

C. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

I. Mục tiêu chung

Xây dựng lực lượng sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, có tâm huyết với học sinh và nhà trường mình đang công tác, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển nhà trường

Tăng cường giáo dục đạo đức cho học sinh, trên cơ sở đó giáo dục học sinh ý thức học tập để nâng cao hiệu quả học tập của học sinh

Xây dựng môi trường sư phạm trong sạch thân thiện có đầy đủ cơ sở vật chất để phát triển các kỹ năng, năng khiếu về bộ môn cũng như thể chất

Xây dựng nhà trường có chất lượng có uy tín với phụ huynh học sinh

Đào tạo học sinh có kỹ năng sống thích ứng với sự phát triển xã hội

II. Mục tiêu cụ thể

1. Siết chặt và giáo dục đạo đức học sinh và từ từ thu nhận học sinh có sàng lọc từ đó nâng cao ý thức học tập của học sinh, đổi mới phương pháp giảng dạy theo cá thể học sinh, đưa Anh văn quốc tế vào giảng dạy để nâng cao trình độ Anh ngữ cho tốt nghiệp THPT, các em có thể hội nhập cộng đồng
2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT và Đại học năm sau cao hơn năm trước
3. Cải thiện môi trường sư phạm, ăn, ở và sinh hoạt của HS bán trú và nội trú

*** Các chỉ tiêu cụ thể**

- Tuyển sinh: CS1: 400 học sinh, CS3: 700 học sinh
- Cơ sở vật chất:
 - 1 sân đá bóng cỏ nhân tạo
 - Làm lại nhà vệ sinh cơ sở 3
 - Lắp hệ thống loa ở các phòng học và được điều khiển từ phòng tổng quản nhiệm
 - Tăng thêm nhiều hoạt động của câu lạc bộ
- Hạnh kiểm: Tốt > 80%, Khá > 17%, TB < 3%, Yếu 0%
- Học lực: Giỏi > 17%, Khá > 55%, TB > 26%, Yếu < 2%, Kém 0%
- Tỷ lệ lên lớp thẳng 98%
- Chi bộ: giữ vững chi bộ trong sạch vững mạnh
- Công đoàn: giữ vững công đoàn vững mạnh xuất sắc
- Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: giữ vững đoàn thanh niên vững mạnh xuất sắc
- Danh hiệu nhà trường: Bằng khen UBND TP.HCM

D. GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

I. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh

1. Kế hoạch

- Xây dựng kế hoạch năm học của nhà trường và kế hoạch năm học của từng bộ môn trên cơ sở chương trình của bộ giáo dục và đào tạo và kế hoạch bộ môn của sở giáo dục và đào tạo
- Xây dựng cấu trúc tiết học hai buổi ngày, tăng cường bộ môn Toán, Văn, Anh Văn và các bộ môn tự chọn của học sinh
- Xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm (2016-2020) của trường THCS-THPT Trí Đức, hàng năm, hàng học kỳ có sơ kết và tổng kết những mặt làm được, những mặt chưa làm được, tìm hiểu nguyên nhân khách quan và chủ quan để định hướng kế hoạch năm học sát với thực tế của nhà trường
- Sau hai năm sơ kết chiến lược 5 năm phát triển nhà trường để đưa ra bài học kinh nghiệm đồng thời bổ sung kế hoạch phát triển để phù hợp với sự phát triển giáo dục của Thành phố HCM
- Xây dựng các kế hoạch về các câu lạc bộ

2. Đổi mới phương pháp dạy học

- Đổi mới mạnh mẽ về phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh, dạy học phải phù hợp từng đối tượng học sinh
- Tăng cường công nghệ thông tin vào trong bài giảng, viết đề cương giảng dạy ở các bộ môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Anh Văn
- Tăng cường các tiết thực hành và rèn luyện kỹ năng thực hành đồng thời các bộ môn nhất là Lý, Hóa và Sinh cho những bài Toán mang tính thực hành
- Các bộ môn tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, trang thiết bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức để làm các bài tập khó
- Nghiên cứu ứng dụng giáo dục tích hợp (STEM)
 - + STEM: S: Science (Khoa học)
T: Technology (Công nghệ)
E: Engineering (Kỹ thuật)
M: Mathematic (Toán học)
- Đa dạng hóa các hình thức học tập
 - + Học ở thầy
 - + Học ở bạn: tổ chức đôi bạn học tập
 - + Học trên mạng
 - + Học ở nhà và học đêm ở trường
 - + Tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Động viên thầy cô giáo và học sinh tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật

3. Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh

- Kiểm tra đánh giá theo hướng đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh
 - + Đánh giá trên lớp
 - + Đánh giá cuối học kỳ
 - + Đánh giá cuối năm học
 - + Việc kiểm tra đánh giá: học sinh học được gì?; học như thế nào?; biết vận dụng ra sao để từ đó cải thiện phương pháp giảng dạy của GV
- Kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan cho tất cả các khối ngoại trừ khối 12: Văn và Toán (tự luận); các môn còn lại: trắc nghiệm khách quan
- Tạo ngân hàng đề kiểm tra các môn học cho tất cả cột điểm hệ số 2
- Ra đề kiểm tra khối 12 bám sát cấu trúc đề thi năm 2015 của Bộ giáo dục

II. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường, nâng cao chất lượng đội ngũ

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường

- Nâng cao vai trò của các tổ trưởng để các tổ trưởng chủ động trong công tác giảng dạy của giáo viên bộ môn, tuyển chọn giáo viên, sắp xếp lớp tùy theo năng lực giáo viên với sự đồng ý của hiệu trưởng và hiệu phó
- Hiệu trưởng, hiệu phó quản lý theo kế hoạch tuần, tháng và năm, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của nhà trường
- Thành lập hội đồng tuyển chọn giáo viên đồng thời cho giáo viên thời gian thử việc
- Nâng cao vai trò GVCN lớp và GVQN để tạo điều kiện cho học sinh phát huy năng lực sáng tạo, độc lập, tính tích cực và tự học của học sinh

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ

- Tổ trưởng giúp đỡ tổ viên về vai trò quản lý lớp học
- Thường xuyên vận động tổ viên dự giờ đồng nghiệp có tay nghề cao hơn
- Tổ trưởng dự giờ góp ý với tổ viên trên tinh thần xây dựng để mọi người cùng tiến lên
- Thay đổi phương pháp giảng dạy, dạy theo từng cá thể và giúp đỡ học sinh yếu kém
- Dùng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc giảng dạy
- Tăng cường giờ thực hành
- Thao giảng những bài tập khó dạy trong chương trình để rút ra phương pháp giảng thích hợp

III. Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học theo hướng hiện đại hóa và đa dạng hóa

- Xây dựng phòng học bộ môn
- Trang bị phòng học đầy đủ các phương tiện giảng dạy và học tập
- Xây dựng các phòng câu lạc bộ
- Xây dựng môi trường sư phạm thật tốt
- Sửa chữa nhà vệ sinh
- Làm sân cỏ nhân tạo để học sinh đá bóng
- Triển khai bộ môn bóng bàn
- Làm thêm sân bóng chuyên
- Sửa chữa lại cổng trường cho khang trang sạch đẹp
- Trang bị theo các thiết bị cho các phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh cũng như các phòng của các câu lạc bộ
- Thay dần các thiết bị đã qua niên hạn

IV. Nâng cao chất lượng quản lý bằng công nghệ thông tin

- Trang web cần thêm những thông tin thiết thực cho phụ huynh và học sinh
- Quản lý điểm số trên trang web
- Theo dõi điểm danh trên mạng
- Phụ huynh theo dõi học tập và chuyên cần trên trang web của trường
- Soạn giáo án điện tử để đưa vào trang web và cùng chia sẻ với đồng nghiệp trong tổ

V. Thực hiện chính sách giáo dục, huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực tài chính từ các mạnh thường quân là phụ huynh học sinh
- Mỗi phụ huynh ở các tỉnh và thành phố là nguồn quảng bá thương hiệu THCS-THPT Trí Đức
- Mỗi phụ huynh học sinh ở các tỉnh và TP.HCM là nguồn tuyển sinh cho trường Trí Đức

VI. Tăng cường quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội

- Hàng tháng GVCN và GVQN báo cáo tình hình học tập, ăn ở của học sinh bằng điện thoại
- Tiếp tục hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ban đại diện học sinh lớp với GVCN và GVQN
- Củng cố ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và hoàn thiện quy trình phối hợp giữa Ban Giám Hiệu và Tổng quản nhiệm và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường

- Học sinh hưởng ứng tích cực các công tác xã hội

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Tổ chức theo dõi, kiểm tra đánh giá việc thực hiện:

Để chiến lược phát triển nhà trường trở thành hiện thực đòi hỏi phải có sự đồng tâm, nhất trí của tập thể sư phạm nhà trường để tạo nên sức mạnh tổng hợp; mặt khác việc tổ chức hoạt động phải hết sức chu đáo, cởi mở, nhanh chóng thích nghi với những thay đổi, những tác động từ bên ngoài với nguồn lực bên trong để cơ cấu hoạt động được điều chỉnh linh hoạt, không bị xơ cứng nhằm đạt được hiệu quả cao trong quá trình phát triển

1. Tổ chức

Thành lập ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược gồm: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Thư ký hội đồng, Bí thư chi đoàn giáo viên, Tổ trưởng chuyên môn

Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành triển khai việc thực hiện KHCL theo chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên.

Ban chỉ đạo có trách nhiệm điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn triển khai thực hiện sát với tình hình thực tế của nhà trường

2. Phổ biến kế hoạch chiến lược:

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB-GV-NV, cơ quan chủ quản, PHHS, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường

3. Lộ trình thực hiện: 2 giai đoạn

a/ Giai đoạn 1: từ năm 2016 – 2018

b/ Giai đoạn 2: từ năm 2018 – 2020

4. Nhiệm vụ cụ thể của ban chỉ đạo:

4.1. Hiệu trưởng:

Trưởng ban chịu trách nhiệm điều hành, lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược đến từng cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường.

Tổ chức kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch từng năm học

4.2. Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn:

Phó ban, theo dõi chỉ đạo kiểm tra đánh giá các mặt hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ: phụ trách chỉ đạo nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ của giáo viên; chỉ đạo xây dựng tinh chuyên nghiệp trong hoạt động của tổ bộ môn; xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch đào tạo học sinh giỏi, theo dõi đôn đốc thực hiện; tổ chức các hội thảo chuyên đề cho các môn chọn.

4.3. Phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động học sinh:

Phó ban, chỉ đạo hoạt động xây dựng nhân cách học sinh, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng kế hoạch rèn luyện hạnh kiểm cho học sinh; chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa GVCN với cha mẹ học sinh.

4.4. Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất:

Chỉ đạo kiểm tra, sửa chữa bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; chỉ đạo thực hiện đổi mới các quy trình hoạt động hành chính; chỉ đạo xây dựng tính chuyên nghiệp trong hoạt động của nhân viên.

4.5. Thư ký hội đồng:

Hỗ trợ các phó ban để nắm tình hình thực hiện; theo dõi, tổng hợp, tham mưu đề xuất các ý kiến và ghi nhận các nội dung trong các buổi họp rút kinh nghiệm từ các bộ phận thành viên. Tóm lược các nội dung cần thiết để thông báo trong toàn hội đồng.

4.6. Chủ tịch Công đoàn:

Chỉ đạo hoạt động của các tổ trưởng công đoàn, vận động xây dựng đạo đức lối sống, theo dõi và tổng hợp phong trào thi đua trong cán bộ, giáo viên và nhân viên. Chú trọng vào hoạt động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”

Làm công tác tư tưởng theo dõi động viên cán bộ, công chức khắc phục khó khăn trong đó coi trọng yếu tố tâm lý để tạo động lực làm việc trong giáo viên, tổ chức các hoạt động kiểm tra đánh giá theo các tiêu chí đã đề ra.

4.7. Bí thư chi đoàn giáo viên, Trợ lý thanh niên:

Xây dựng kế hoạch hoạt động, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh để có các chương trình huấn luyện kỹ năng sống, trò chơi dân gian, trò chơi khoa học; thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ Tin học, câu lạc bộ Tiếng Anh; câu lạc bộ kỹ năng mềm; đội, nhóm văn nghệ... Duy trì và phát triển các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao hàng năm của trường.

Phát hiện và xây dựng lực lượng nòng cốt từ các chi đoàn lớp để xây dựng phong trào: “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, thu nhận và xử lý các thông tin phản hồi từ học sinh.

4.8. Tổ trưởng chuyên môn:

Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, chú trọng các biện pháp để khắc phục các tồn tại của tổ; tổ chức phân công hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ trong tổ, các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy, hỗ trợ sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học... Kiểm tra đánh giá, xếp loại, rút kinh nghiệm các hoạt động của tổ bộ môn. Khắc phục sự chênh lệch về kinh nghiệm và sức sáng tạo trong hai thế hệ giáo viên lớn tuổi và trẻ tuổi thông qua các buổi sinh hoạt tổ, thao giảng, tiết dạy tốt.

4.9. Tổ hành chính:

Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, chú trọng các biện pháp để khắc phục các tồn tại của tổ; phối hợp và tổ chức phân công cán bộ nhân viên; sử dụng các phương tiện, thiết bị cho khâu quản lý hồ sơ, sổ sách, sách giáo khoa hợp lý, khoa học; kiểm tra đánh giá xếp loại, rút kinh nghiệm từng bộ phận kịp thời, chính xác, kịp tiến độ công việc chung của trường.

4.10. Tổ trưởng công đoàn:

Phối hợp với tổ trưởng bộ môn thường xuyên vận động đồng nghiệp tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy; mạnh dạn đề xuất các yêu cầu cần khắc phục, đề xuất khen thưởng các cá nhân tiêu biểu trong tổ.

4.11. Giáo viên chủ nhiệm:

Xây dựng phong trào thi đua tại lớp, tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng cho học sinh; quan tâm chú ý đến những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên thăm hỏi, đề xuất nhà trường cấp học bổng cho những học sinh nghèo, vượt khó trong học tập và rèn luyện...

II. Phương thức kiểm tra, đánh giá:

Dựa trên các văn bản pháp quy hiện hành, cập nhật những văn bản mới theo từng thời điểm để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động của trường cho đúng hướng. Cụ thể:

- Các văn bản của ngành Giáo dục và Đào tạo về cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung.
- Các tiêu chí kiểm định chất lượng trường trung học phổ thông.
- Chiến lược phát triển ngành giáo dục từ nay đến 2020.
- Điều lệ trường phổ thông.
- Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ GD&ĐT về đánh giá xếp loại học sinh trung học.
- Các văn bản về xây dựng trường chuẩn quốc gia, các quy chuẩn về phòng học bộ môn.
- Các văn bản của Sở GD&ĐT, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch năm học.

Biện pháp thực hiện:

- Trong hai năm đầu: dựa vào đánh giá của cá nhân, tập thể nhận xét. Những năm học sau thực hiện việc xét duyệt để điều chỉnh kế hoạch chiến lược theo định hướng phát triển của nhà trường.
- Trên cơ sở tự đánh giá, Ban chỉ đạo phân công kiểm tra, đối chiếu với hoạt động thực tế để có kết luận và rút kinh nghiệm.
- Sau hai năm thực hiện: hình thành quy trình đánh giá, kiểm tra đúng mục để nâng cao chất lượng hoạt động.
- Mỗi năm học thực hiện đánh giá đổi mới hoạt động nhà trường một lần vào cuối học kỳ 2.

III. Các hoạt động để làm cơ sở kiểm định chất lượng và hiệu quả:

1. Đối với học sinh:

- Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cuối năm để đánh giá.
- Căn cứ kết quả tốt nghiệp THPT, trúng tuyển đại học, cao đẳng và các giải thưởng học sinh giỏi đạt được về đánh giá.

- Các hoạt động dành cho cá nhân và tập thể lớp được xem xét mỗi năm để đánh giá, xác định, kiểm tra lại kết quả thực hiện.
- Duy trì và có biện pháp hỗ trợ các câu lạc bộ hoạt động cho hiệu quả.
- Mỗi chi đoàn lớp thực hiện một công trình thanh niên về môi trường sư phạm.
- Phát huy các trò chơi dân gian, trò chơi khoa học, các hoạt động văn thể mỹ được quan tâm đầu tư và tạo điều kiện hoạt động.

2. Đối với tập thể CB-GV-NV:

- Các hoạt động thực tiễn của giáo viên trong suốt năm học: hội giảng, thao giảng, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa của tổ bộ môn, của nhà trường.
- Tham gia các hoạt động phong trào của các đoàn thể công đoàn, chi đoàn giáo viên.
- Kết quả học tập của các lớp được phân công phụ trách.
- Căn cứ kết quả thi đua cuối năm học làm cơ sở để đánh giá.

DUYỆT CỦA CƠ QUAN LÃNH ĐẠO



HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN ĐÌNH THỊNH